TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23 – 5 – 2018
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Hùng Quang
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Kim Nguyện
Bà Trần Thị Cúc
-Thư ký phiên toà: Bà Tô Huyền Trang– Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 315/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2018, về việc không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Lý Thị Thu H - sinh năm 1971 (Có mặt).
Địa chỉ cư trú: Số nhà 131B, đường Huỳnh Thúc Kháng, khóm A, phường B, thành phố Cà M, tỉnh Cà M.

-*Bị đơn:* Anh Trần Hoàng Đ - sinh năm 1967 (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: Số nhà 131B, đường Huỳnh Thúc Kháng, khóm A, phường B, thành phố Cà M, tỉnh Cà M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2018 và lời trình bày của chị Lý Thị Thu H tại phiên tòa :

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Hoàng Đ chung sống với nhau như vợ chồng năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được, anh Đ thường hay xúc phạm cha mẹ chị. Nay chị H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 03 người tên Trần Thu T sinh ngày 01/01/1991, Trần Thu H sinh ngày 04/8/1996, đã trưởng thành; Trần Hoàng A - sinh ngày 03/12/2000. Khi ly hôn anh chị thống nhất giao cháu Trần Hoàng A cho anh Đ nuôi dưỡng. Ý kiến nguyện vọng của cháu A thống nhất chung sống với anh Đ. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Đối với anh Trần Hoàng Đ tại phiên tòa vắng mặt. Tại Biên bản hòa giải ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, anh Đ thừa nhận về thời gian chung sống với chị H đúng theo lời chị H trình bày. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh thống nhất. Về con chung có 03 người, anh đồng ý nuôi cháu A, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung không có. Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng. Do anh thường xuyên đi làm vắng nhà nên anh yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Quan hệ pháp luật giữa nguyên, bị đơn đặt ra được xác định là quan hệ về Hôn nhân gia đình, yêu cầu xin ly hôn và thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự. Điều luật được áp dụng Điều 9, 14, 53, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[1] Về hôn nhân: chị Lý Thị Thu H và anh Trần Hoàng Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991 nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo luật định. Thời điểm anh, chị chung sống với nhau là sau ngày 03/01/1987, Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực. Nay chị H yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh chị không quan tâm lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt. Chị H yêu cầu ly hôn anh Đ thống nhất. Như vậy chứng minh rằng tình cảm vợ chồng của anh, chị không còn hạnh phúc. Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý, nên tuyên bố không công nhận chị H và anh Đ là vợ chồng.

[2] Về con chung: có 03 người tên Trần Thu T sinh ngày 01/01/1991, Trần Thu H sinh ngày 04/8/1996, đã trưởng thành; Trần Hoàng A - sinh ngày 03/12/2000. Khi ly hôn anh, chị thống nhất giao cháu Trần Hoàng A cho anh Đ nuôi dưỡng. Ý kiến nguyện vọng của cháu A thống nhất chung sống với anh Đ. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con anh, chị không đặt ra yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Anh chị xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ: Anh chị xác định không có.

Về tư cách tố tụng, tuân thủ pháp luật của đương sự: Anh Đ có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, việc Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ là theo ý chí, nguyện vọng của anh Đ và không ảnh hưởng quyền lợi của anh Đ. Anh Đ được quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình chị H nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, 147, 227,273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Lý Thị Thu H và anh Trần Hoàng Đ.

- Về con chung: Có 03 người tên Trần Thu T - sinh ngày 01/01/1991, Trần Thu H - sinh ngày 04/8/1996, đã trưởng thành; Trần Hoàng A - sinh ngày 03/12/2000. Khi ly hôn anh, chị thống nhất giao cháu Trần Hoàng A cho anh Đ nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Chị Hằng được quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh chị xác định không có.

- Về nợ: Anh chị xác định không có.

Án phí sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị H phải nộp số tiền 300.000đ. Vào ngày 04/4/2017, chị H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo lai số 0000597 được giữ y chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Chị Hằng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Hoàng Đ có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự; Điều 269 BLTTDS.
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Hùng Quang